

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành: Kinh doanh thương mại**

**Mã số: 7340121**

*(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

**Hà Nội – 2022**

# MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	3
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	3
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	3
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường.....	4
2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của khoa .....	4
3. Chuẩn đầu ra .....	5
3.1. Kiến thức .....	5
3.2. Kỹ năng .....	6
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....	7
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	7
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.....	7
3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo .....	7
4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo .....	8
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp .....	8
5.1 Thông tin tuyển sinh.....	8
5.2. Điều kiện tốt nghiệp .....	8
6. Phương pháp giảng dạy và học tập .....	9
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá .....	10
7.1. Các hình thức đánh giá .....	10
7.2 Điểm đánh giá học phần .....	10
8. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	12
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá .....	12
8.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	12
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến .....	16
9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra .....	19
10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo .....	21

11. Mô tả tóm tắt học phần .....	23
12. Đối sánh chương trình đào tạo .....	38
12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia việt nam.....	38
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo .....	41
13. Hướng dẫn thực hiện.....	70
13.1. Nguyên tắc chung .....	70
13.2. Kế hoạch đào tạo .....	72



## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh Thương mại được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo Cử nhân kinh doanh thương mại có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, thái độ lao động và sức khoẻ tốt, có tinh thần xã hội cao, nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và xã hội nhân văn. Có trình độ về CNTT và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kinh doanh thương mại, kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp về hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo các vị trí công việc.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo:	<b>Cử nhân Kinh doanh thương mại</b>
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	<b>Kinh doanh thương mại</b>
4	Mã số:	<b>7340121</b>
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	...../...../.....

### 2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Thương mại nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

## **2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường**

### *2.1.1. Sứ mạng*

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

### *2.1.2. Tầm nhìn phát triển*

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

### *2.1.3 Giá trị cốt lõi*

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

### *2.1.4. Triết lý giáo dục*

“Học tập để kiến tạo tương lai”

## **2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của khoa**

### **2.2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh Thương mại được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo Cử nhân kinh doanh thương mại có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, thái độ lao động và sức khỏe tốt, có tinh thần xã hội cao, nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và xã hội nhân văn. Có trình độ về CNTT và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kinh doanh thương mại, kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp về hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo các vị trí công việc.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### *2.2.2.1 Về kiến thức*

MT01. Vận dụng linh hoạt kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong công việc chuyên môn.

MT02. Nắm vững được kiến thức cơ sở khối ngành Kinh doanh thương mại

MT03. Kết hợp được những kiến thức căn bản cần thiết về công nghệ thông tin, các nền tảng ứng dụng các hệ thống mô phỏng các nghiệp vụ

MT04. Phát triển các kiến thức chuyên môn toàn diện về hoạt động Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế

MT05. Kết hợp các kiến thức về các hoạt động quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp

với các hoạt động Kinh doanh thương mại

#### 2.2.2.2 Về kỹ năng

MT06. Thể hiện được các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động Kinh doanh thương mại; Kinh doanh quốc tế

MT07. Nắm vững được kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc. Khai thác được các ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm mô phỏng trong hoạt động Kinh doanh thương mại

MT08. Thành thạo các kỹ năng chuyên nghiệp về hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

#### 2.2.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

MT09. Giải thích được các vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động Kinh doanh thương mại; Kinh doanh quốc tế

MT10. Có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc

#### 2.2.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

### 3. CHUẨN ĐẦU RA

#### 3.1. Kiến thức

- CDR1: Nhận thức được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn; Hiểu, vận dụng một cách khoa học các quan điểm của Đảng và Nhà nước;

- CDR2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức;

- CDR3: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Có sức khỏe tốt để học tập, làm việc suốt đời;

- CDR4: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Riêng đối với chứng chỉ TOEIC quốc tế sinh viên khóa tuyển sinh năm 2020 đạt 400 điểm trở lên;

- CDR5: Vận dụng được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư

liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT);

- CDR6: Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và xã hội nhân văn trong các hoạt động của doanh nghiệp thương mại;

- CDR7: Hiểu và vận dụng các qui định của pháp luật vào hoạt động kinh doanh, nắm vững kiến thức nền tảng trong lĩnh vực quản lý, vận hành doanh nghiệp;

- CDR8: Hiểu và vận dụng các kiến thức về xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế nói riêng.

- CDR9: Hiểu và vận dụng kiến thức về nghiên cứu thị trường, giao dịch đàm phán kinh doanh, tổ chức kinh doanh hàng hoá trong hoạt động thương mại ở các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế;

- CDR10: Hiểu và vận dụng thành thạo phương pháp tổ chức quá trình cung ứng, phân phối, tổ chức các hoạt động Marketing thương mại và quản lý các quan hệ khách hàng của các doanh nghiệp thương mại; các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

- CDR11: Vận dụng các kiến thức về quản lý kinh doanh để kiểm soát các nghiệp vụ trong kinh doanh thương mại; đồng thời có khả năng sử dụng được phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh, các phần mềm chuyên dụng như: Quản lý khách hàng; các phần mềm quản lý kho vận; các phần mềm thanh toán trực tuyến.

## **3.2. Kỹ năng**

### *3.2.1. Kỹ năng cứng*

- CDR12: Có khả năng xây dựng kế hoạch, truyền thông kinh doanh và quan hệ công chúng nhằm duy trì hình ảnh, tạo dựng và bảo vệ thương hiệu cho sản phẩm, cho doanh nghiệp;

- CDR13: Có khả năng xây dựng phát triển hệ thống kênh phân phối, chuẩn bị cơ sở hạ tầng thương mại, kho vận và hoạt động cung ứng của doanh nghiệp;

- CDR14: Có khả năng đàm phán kí kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các nghiệp vụ về xuất nhập khẩu hàng hoá và thanh toán quốc tế;

- CDR15: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ giao dịch thương mại hiện đại (Thương mại điện tử);

- CDR16: Có khả năng hoạch định và khởi tạo doanh nghiệp mới.

### *3.2.2. Kỹ năng mềm*

- CDR17: Thành thạo trong giao tiếp và thiết lập mối quan hệ

- CDR18: Có kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc theo nhóm (team work)

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- CDR19: Có khả năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, khả năng độc lập để làm việc có kế hoạch và khoa học

- CDR20: Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng chính sách và pháp luật của Nhà nước

- CDR21: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, ý thức kỷ luật lao động, tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu

- CDR22: Có trách nhiệm với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

### **3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Làm tại các doanh nghiệp: Quản trị viên thương mại, vị trí trong bộ phận kinh doanh, quản lý kinh doanh, quản lý khách hàng, điều hành kinh doanh, kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường, bộ phận kho vận;

- Làm tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý và giám sát bán hàng, bộ phận nghiên cứu và phát triển;

- Làm tại các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế: Bộ phận phát triển thương mại quốc tế, tham tán thương mại, tùy viên thương mại;

- Làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương: Làm ở các vị trí như hoạch định chính sách thương mại, quản lý khối các doanh nghiệp thương mại;

- Làm tại các viện nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng: Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực thương mại.

### **3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

### **3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo**

Chương trình đào tạo đã tham khảo của các trường:

Đại học Kinh tế Quốc dân,

Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh,

Đại học Cần Thơ,

Đại học Kinh tế Tài chính thành phố HCM,



#### 4. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																						
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19	CDR 20	CDR 21	CDR 22	
MT1	x	x	x																				
MT2				x		x	x																
MT3					x		x	x	x														
MT4							x	x	x	x	x												
MT5								x	x	x	x												
MT6												x	x										
MT7													x	x			x	x					
MT8														x	x	x							
MT9															x	x				x	x	x	x
MT10														x	x					x	x	x	x

#### 5. TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

##### 5.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng, Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT, Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do trường ĐHBK Hà Nội tổ chức, Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do trường ĐHQG tổ chức.

##### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

## 6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Thương mại đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm

Các phương pháp dạy và học được sử dụng trong đào tạo ngành Kinh doanh thương mại là thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề-giải quyết vấn đề, tranh luận, mô hình ứng xử, thực hành, báo cáo, thực tế, làm việc nhóm, quản lý sinh viên học tập bằng công nghệ, đọc và nghiên cứu tài liệu, khóa luận tốt nghiệp

### *Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học*

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19	CDR 20	CDR 21	CDR 22
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phát vấn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm					X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự nghiên cứu							X	X	X	X	X	X							X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

giảng																			
dạy																			

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

### 7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Mô tả ngắn gọn các hình thức đánh giá được áp dụng nhằm đạt được CĐR của Chương trình đào tạo)

Ví dụ:

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập: Thông qua đánh giá điểm chuyên cần
- Đánh giá theo hình thức tự luận: Thông qua hệ thống bài kiểm tra định kỳ với số lượng bài bằng số tín chỉ
- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm kiểm tra thường xuyên qua khối lượng kiến thức các chương học.
- Đánh giá theo hình thức vấn đáp: kiểm tra thường xuyên
- Đánh giá theo hình thức thực hành đối với những môn thực hành, tiểu luận.

### 7.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
  - + Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận
  - + Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.
- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:
  - + Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.
  - + Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.
- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.
  - + Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

*(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):*

- \* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.
- \* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- \* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- \* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- \* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- \* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

*(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):*

- \* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.
- \* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- \* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- \* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- \* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- \* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

## 8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (chiếm 28%)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (chiếm 72%)
  - *Phân lý thuyết* 67 tín chỉ (chiếm 68.5%)
  - *Phân thực hành, thực tập, đồ án* 22 tín chỉ (chiếm 22.5%)
  - *Khoá luận tốt nghiệp* 9 tín chỉ (chiếm 9%)

### 8.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)</b>			<b>38</b>		
<b>1.1. Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18,60)	x
<b>1.2. Khoa học xã hội</b>			<b>2</b>		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
<b>1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học</b>			<b>6</b>		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36,18,60)	x
001102	2. Xác suất - Thống kê	KHUD	3	(36,18,60)	x
<b>1.4. Ngoại ngữ</b>			<b>16</b>		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
<b>1.5. Kiến thức bổ trợ</b>			<b>3</b>		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002239	3. Kỹ năng nghề nghiệp – KDTM	TM	1	(15, 0, 30)	x
	<b>1.6. Giáo dục thể chất</b>	<b>GDTC</b>	<b>4</b>		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng</b>	<b>GDQP</b>	<b>8</b>		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)</b>			<b>98</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>28</b>		
	<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>		<b>22</b>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001201	4. Quản trị học	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
001717	6. Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	3	(39,12,90)	x
001337	7. Luật Thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
001390	8. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
	<b>2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6 tín chỉ)</b>		<b>6</b>		
	<i>Tự chọn 1</i>				
000519	1. Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000563	2. Kinh tế quốc tế	DLKS	2	(26,8,60)	
	<i>Tự chọn 2</i>				
001269	3. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
000813	4. Kế toán quản trị	Kế toán	2	(26,8,60)	
	<i>Tự chọn 3</i>				
000456	5. Kinh tế đầu tư	DLKS	2	(26,8,60)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000566	6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
	<b>2.2. Kiến thức chung của ngành</b>		<b>48</b>		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		<i>23</i>		
001370	1. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001104	2. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001349	3. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	TM	2	(0,120,0)	x
001482	4. Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
001421	5. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001388	6. Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001422	7. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TM	3	(39,12,90)	x
001288	8. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 18 tín chỉ)</i>		<i>18</i>		
	<i>Tự chọn 1</i>				
001715	1. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001714	2. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39,12,90)	
	<i>Tự chọn 2</i>				
001116	3. Phân tích tài chính doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	
001389	4. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 3</i>				
001393	5. Thị trường chứng khoán	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001334	6. Kinh tế thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 4</i>				
001713	7. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	QT&MAR	3	(39,12,90)	
001289	8. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 5</i>				
001711	9. Thực hành Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(0,90,90)	
001387	10. Tin ứng dụng trong KDTM	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 6</i>				
001712	11. Thực hành Marketing thương mại	QT&MAR	3	(0,90,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001710	12. Thực hành Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,90)	
001341	13. Thực hành Thương mại điện tử	TM	3	(0,90,90)	x
	<b>2.2.3. Kiến thức bổ trợ</b>		<b>7</b>		
001425	14. Thực tập Quản trị tài chính trong DN TM	TM	2	(0,60,60)	x
001478	15. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh XNK	TM	3	(0,90,90)	x
002355	16. Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	TM	2	(0,60,60)	x
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)</b>		<b>22</b>		
	<b>2.3.1. Modul 1: Kinh doanh thương mại</b>		<b>22</b>	(Từ 22-26TC)	
001707	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,120,0)	x
001423	2. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	x
001333	3. Marketing thương mại	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001877	<b>Thực tập cuối khóa ngành KDTM</b>	TM	<b>5</b>	(0/300/0)	<b>x</b>
001875	<b>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM</b>	TM	<b>9</b>	<b>(0/540/0)</b>	
001481	1. Xây dựng và phát triển thương hiệu	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001475	2. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
001335	3. Lập và quản lý dự án đầu tư	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
	<b>2.3.2. Modul 2: Thương mại điện tử</b>		<b>22</b>	(Từ 22-26TC)	
002084	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh TMĐT	TM	2	(0,120,0)	x
001699	2. Phát triển hệ thống thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001701	3. Thiết kế và triển khai website	TM	3	(39,12,90)	x
001877	<b>Thực tập cuối khóa ngành KDTM</b>	TM	<b>5</b>	(0/300/0)	<b>x</b>
001875	<b>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM</b>	TM	<b>9</b>	<b>(0/540/0)</b>	
001702	1. Thanh toán điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001967	2. Marketing thương mại điện tử	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001698	3. Thương mại di động	TM	3	(39,12,90)	x
	<b>2.3.3. Modul 3: Kinh doanh quốc tế</b>		<b>22</b>	(Từ 22-26TC)	
002369	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
001106	2. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
001252	3. Thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	



Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001877	Thực tập cuối khóa ngành KDTM	TM	5	(0/300/0)	x
001875	Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM	TM	9	(0/540/0)	
001611	1. Marketing quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002415	2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002416	3. Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x

### 8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
<b>I</b>		<b>Học kỳ 1</b>		<b>16</b>
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Bắt buộc	3
2	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế	Bắt buộc	3
3	000564	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	2
4	000519	Lý thuyết hạch toán kế toán	Bắt buộc	3
5	001201	Quản trị học	Bắt buộc	3
6	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Tự chọn	2
<b>II</b>		<b>Học kỳ 2</b>		<b>20</b>
7	000585	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2
8	001102	Xác suất - Thống kê	Bắt buộc	3
9	001942	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	4
10	000718	Giáo dục thể chất 1	Bắt buộc	1
11	000200	Giáo dục quốc phòng	Bắt buộc	8
12	000719	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	2
<b>III</b>		<b>Học kỳ 3</b>		<b>19</b>
13	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bắt buộc	2
14	001943	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4
15	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	Bổ trợ	1
16	000718	Giáo dục thể chất 2	Bắt buộc	1
17	000519	Văn hóa kinh doanh	Bắt buộc	2
18	001109	Tài chính tiền tệ	Bắt buộc	3
19	001717	Kế toán doanh nghiệp	Bắt buộc	3
20	001104	Marketing căn bản	Tự chọn	3
<b>IV</b>		<b>Học kỳ 4</b>		<b>19</b>

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
21	001944	Tiếng Anh 3	Bắt buộc	4
22	000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tự chọn	2
23	001390	Kỹ thuật dự báo thị trường	Bắt buộc	3
24	002239	Kỹ năng nghề nghiệp	Bổ trợ	1
25	001715	Hệ thống thông tin quản lý	Tự chọn	3
26	001387	Tin ứng dụng trong KDTM	Bắt buộc	3
27	001334	Kinh tế thương mại	Tự chọn	3
<b>V</b>		<b>Học kỳ 5</b>		<b>19</b>
28	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
29	001945	Tiếng Anh 4	Bắt buộc	4
30	000740	Giáo dục thể chất 3	Bắt buộc	1
31	000740	Giáo dục thể chất 4	Bắt buộc	1
32	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và Dự báo thị trường	Bắt buộc	2
33	001388	Quản trị tài chính trong DNTM	Bắt buộc	3
34	001422	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Bắt buộc	3
35	001288	Thương mại điện tử	Bắt buộc	3
<b>VI</b>		<b>Học kỳ 6</b>		<b>20</b>
36	001337	Luật Thương mại	Bắt buộc	3
37	001482	Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	Bắt buộc	3
38	001421	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	Bắt buộc	3
39	001341	Thực hành Thương mại điện tử	Tự chọn	3
40	001389	Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	Tự chọn	3
41	001425	Thực hành Quản trị tài chính trong DNTM	Bổ trợ	2
42	001478	Thực hành nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Bổ trợ	3
<b>VII</b>		<b>Học kỳ 7</b>		<b>16</b>
43	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
44	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	Bổ trợ	1
45	001370	Quản trị chuỗi cung ứng	Bắt buộc	3
46	002355	Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	Bổ trợ	2
47	001333	Marketing thương mại	Bắt buộc	3
48	001707	Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	Bắt buộc	2
49	001423	Quản lý quan hệ khách hàng	Bắt buộc	3
<b>VIII</b>		<b>Học kỳ 8</b>	Bắt buộc	<b>19</b>
51	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
52	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Tự chọn	3
53	001877	Thực tập cuối khóa	Bắt buộc	5
54	001875	Khóa luận tốt nghiệp	Bắt buộc	9
55	001481	HPTT1: Xây dựng và phát triển thương hiệu	TTKL	3
56	001475	HPTT2: Logistics	TTKL	3
57	001335	HPTT3: Lập và quản lý dự án đầu tư	TTKL	3
		<b>Cộng:</b>		<b>148</b>



## 9. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

TT	Học phần	Mã chuẩn đầu ra CTĐT																					
		Kiến thức ( <i>thang Bloom</i> ) (1-6)											Kỹ năng ( <i>thang Dave 1975</i> ) (1-5)								NLTC và TNNN ( <i>Krathwohl 1973</i> ) (1-5)		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1
1	Triết học Mác – Lênin	2	3														3	3	3	3	3	3	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	3														3	3	3	3	3	2	
3	CNXH Khoa học	2	3														3	3	3	3	3	3	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3														3	3	3	3	3	3	
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	3														3	3	3	3	3	3	
6	Pháp luật đại cương		2										2	2	2		2		2	2		2	
7	Toán ứng dụng trong kinh tế		2	2										2			2	2				2	
8	Xác suất - Thống kê		2																2			2	
9	Tiếng Anh cơ bản 1				3												2	2	2	2	2	2	
10	Tiếng Anh cơ bản 2				3												2	2	2	2	2	2	
11	Tiếng Anh cơ bản 3				3												2	2	2	2	2	2	
12	Tiếng Anh cơ bản 4				3												3	3		2	2	2	
13	Kỹ năng phỏng vấn xin việc													2			3	2	2			2	
14	Kỹ năng nhận thức bản thân																3	2	2	2		2	
15	Kỹ năng nghề nghiệp																3	2	2	2		2	
16	Giáo dục thể chất			3															2			2	
17	Giáo dục quốc phòng – an ninh	2	2	2						2												2	
18	Kinh tế vi mô					2								2	2						2	2	
19	Kinh tế vĩ mô					3											2	2	2	2		2	
20	Lý thuyết hạch toán kế toán					2	2							2	2					2	2	2	
21	Quản trị học					3											2	2	2		2	2	

TT	Học phần	Mã chuẩn đầu ra CTĐT																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								NLTC và TNNN (Krathwohl 1973) (1-5)		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1
22	Tài chính - Tiền tệ						3	3							2			2	2	2		2	
23	Kế toán doanh nghiệp							3								2		2	2	2	2	2	
24	Luật thương mại							3			3				3			3	3	2		2	
25	Kỹ thuật dự báo thị trường						3			3					2						2	2	
26	Văn hoá kinh doanh	2	2											3					3	3	3	3	
27	Nguyên lý thống kê, thống kê kinh doanh						3											2	2	2		2	
28	Lịch sử các học thuyết kinh tế										2	2					2				2	2	
29	Quản trị chuỗi cung ứng								4		4			3	3					2	2	2	
30	Marketing căn bản							3					2	2				2	2		2	2	
31	Tiểu luận 1: Dự báo thị trường							4		4			3					3	3	2		2	
32	Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng						2	3	3	3	3			2	2	3					2	2	
33	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM								3					2			2		2	2		2	
34	Quản trị tài chính trong DNTM	3							3			3	3		2			2	2	2		2	
35	Nghiệp vụ kinh doanh XNK				3			4		3				3	3			3	3	2		2	
36	Thương mại điện tử								3	3	3	3	2	2		2			2	2		2	
37	Hệ thống thông tin quản lý								2	3	3	2	2						2	2		2	
38	Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM						2	3	4							2	2					2	
39	Kinh tế thương mại								3	3			3						3	3		3	
40	Giao dịch và đàm phán KD							3		3				2	3				2	2	2	2	
41	Tin ứng dụng trong KDTM					2							3						2	4	2	2	
42	Thực hành Thương mại điện tử									3	3	3	3	2			2		2	2	2	2	

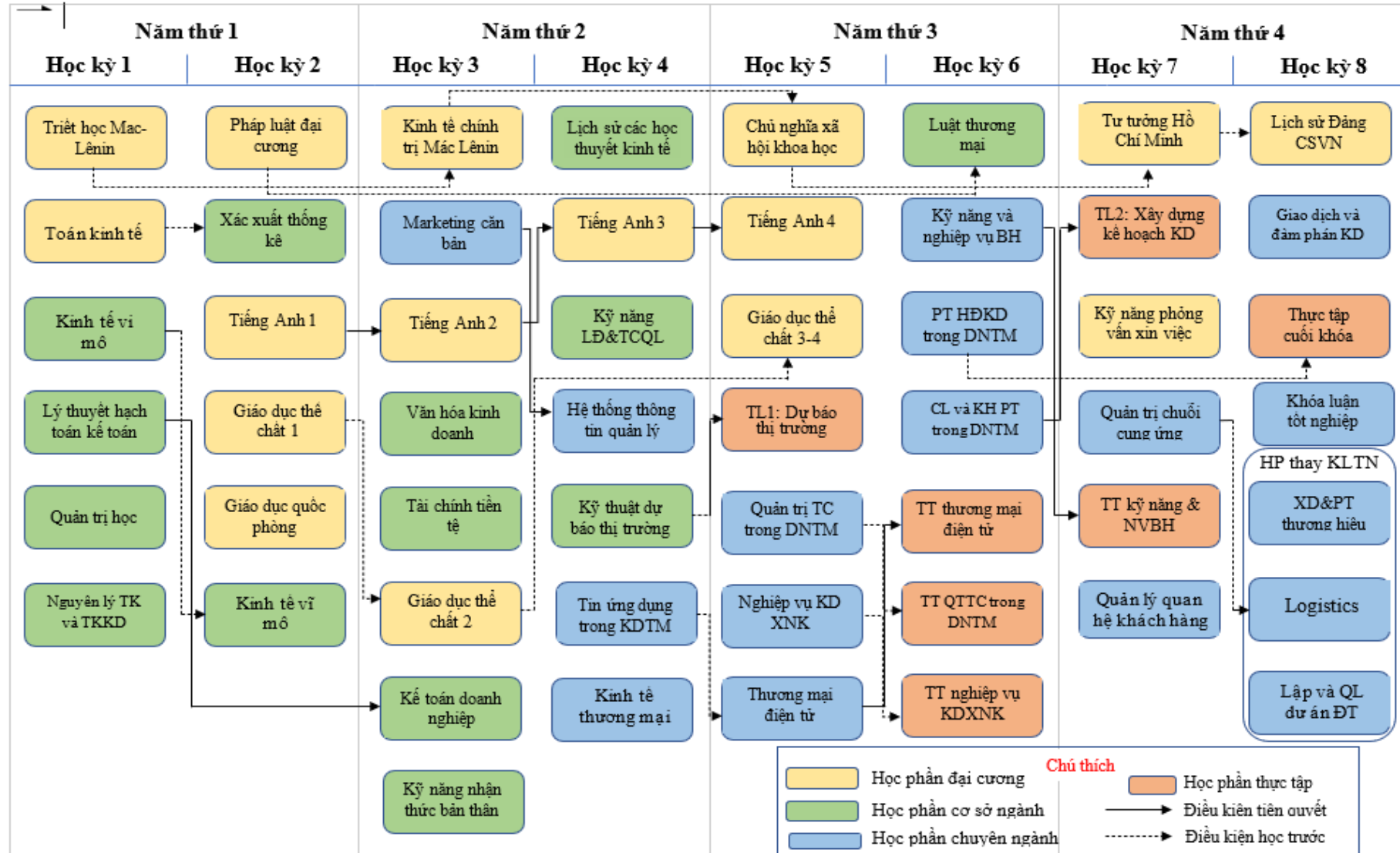
TT	Học phần	Mã chuẩn đầu ra CTĐT																						
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						NLTC và TNNN (Krathwohl 1973) (1-5)					
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	
43	Thực hành Quản trị tài chính trong DN TM							3	3		3					2		2	2	2		2		2
44	Thực hành nghiệp vụ KD XNK				3		3	3		3						4			4	4	2	2		2
45	Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng																							
46	Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh								3					3			3		2	2				2
47	Quản lý quan hệ khách hàng							3			3	3	2			2		2	2	2				2
48	Marketing thương mại						3	3	3	3	3		2	2			2	2	2			2		2
49	Thực tập cuối khóa							3	3	3	2			2			2	2				2	2	2
50	Xây dựng và phát triển thương hiệu						3		3	3	3	2	2	2				2	2			2	2	2
51	Logistic								3		3	3	3	3					3	3		2		2
52	Lập và quản lý dự án đầu tư					3	3				2					2	2			2	2	24	2	

## 10. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Xem sơ đồ trang sau)

**KHOA THƯƠNG MẠI**

**NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI**



## 11. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

**Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC) (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))**

### 1. Triết học Mác-Lênin

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (33, 24, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

### 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

### 4. Tư tưởng hồ chí minh

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH



- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

## **5. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

## **6. Pháp luật đại cương**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm, và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

## **7. Toán ứng dụng trong kinh tế**

**Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán ứng dụng kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học nhằm vận dụng toán học trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường

## **8. Xác suất thống kê**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

## **9. Tiếng anh 1**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 200$

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

## **10. Tiếng anh 2**

**Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 275$

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng anh cơ bản 2 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu

ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 5 đến bài 8 của giáo trình Life A1 – A2.

### 11. Tiếng anh 3

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1/ Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 350$
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

### 12. Tiếng anh 4

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2/ Điểm TOEIC đầu vào  $\geq 425$
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2,3.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài

### 13. Kỹ năng phỏng vấn xin việc

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistic. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

#### **14. Kỹ năng nhận thức bản thân**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống. Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

#### **15. Kỹ năng nghề nghiệp**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng cơ bản của lãnh đạo, tổ chức quản lý doanh nghiệp; kỹ năng phát triển năng lực lãnh đạo và quản lý bản thân; kỹ năng quản lý công việc hiệu quả; kỹ năng quản lý mối quan hệ và truyền cảm hứng; kỹ năng xây dựng tầm nhìn và ra quyết định

#### **16. Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) nằm trong phân môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý

chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

### **17. Giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2)**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)  
- *Học phần tiên quyết:* Không  
- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)  
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

### **18. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)  
- *Học phần tiên quyết:* Không  
- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)  
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

### **19. Giáo dục thể chất 4 (Cầu lông 2)**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)  
- *Học phần tiên quyết:* Không  
- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)  
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

### **20. Giáo dục quốc phòng - HP1**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (37, 8, 90)  
- *Học phần tiên quyết:* Không có  
- *Học phần học trước:* Không có  
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực

lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

### **21. Giáo dục quốc phòng – HP2**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (22, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

### **22. Giáo dục quốc phòng – HP3**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (14, 16, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1 và HP2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

### **23. Giáo dục quốc phòng – HP4**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (15, 35, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1, HP2, HP3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

### **Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)**

#### **1. Kinh tế vi mô**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Đại số tuyến tính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

## 2. Kinh tế vĩ mô

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2 (26, 8, 60)

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

## 3. Lý thuyết hạch toán kế toán

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (39, 12, 90)

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

## 4. Quản trị học

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (39, 12, 90)

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra), và một số vấn đề của quản trị học hiện đại như thông tin và ra quyết định quản trị, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi trong quá trình hoạt động của một tổ chức.

## 5. Tài chính tiền tệ

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (39, 12, 90)

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ

thông tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính

## **6. Kế toán doanh nghiệp**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Lý thuyết hạch toán kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán doanh nghiệp là học phần kế toán của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Lý thuyết hạch toán kế toán và các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.

## **7. Luật thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Pháp luật đại cương
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học cung cấp cho sinh viên các kiến thức Pháp luật về Địa vị pháp lý của các Doanh nghiệp, về Giải thể , phá sản Doanh nghiệp và hợp đồng thương mại, Pháp luật dịch vụ trung gian, về xúc tiến thương mại của thương nhân. Cùng với đó là các kiến thức về logistis, về nhượng quyền thương mại và pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại...

## **8. Kỹ thuật dự báo thị trường**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh, Marketing
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dự báo: Những nguyên tắc trong dự báo, qui trình thực hiện dự báo, phương pháp và các mô hình dùng trong dự báo.

## **9. Văn hóa kinh doanh**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp.

## **10. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)



- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu, các phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của toàn ngành kinh tế.

### **11. Lịch sử các học thuyết kinh tế**

**Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx - Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

### **12. Quản trị chuỗi cung ứng**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các thành phần của chuỗi cung ứng bao gồm hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất và phân phối; logistics và vai trò của logistics trong chuỗi cung ứng; các nhóm chỉ số đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.

### **13. Marketing căn bản**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

### **14. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 120, 0 )
- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về nghiên cứu và dự báo thị trường để xây dựng dữ liệu đề bài, xây dựng kế hoạch nghiên cứu thị trường, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu đã thu thập được, sử dụng mô hình dự báo để dự báo nhu cầu thị trường.

### **15. Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng và sự vận dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Hành vi mua sắm của khách hàng tiêu dùng và khách hàng công nghiệp, các kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý bán hàng, tổ chức mạng lưới bán hàng và tổ chức lực lượng bán hàng cho doanh nghiệp.

### **16. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch mua sắm và dự trữ, kế hoạch khoa học - công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của doanh nghiệp.

### **17. Quản trị tài chính trong DNTM**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu, giá trị theo thời gian của dòng tiền phân tích thông tin về tài chính để kiểm soát, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.

### **18. Nghiệp vụ kinh doanh XNK**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế thương mại
- *Học phần học trước*: Luật Thương mại, Giao dịch và đàm phán KD, Tin ứng dụng trong KDTM
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Kinh doanh thương mại. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ: giao dịch,

đàm phán, kết hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu và các quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.

### **19. Thương mại điện tử**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Tin ứng dụng trong kinh doanh thương mại
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thương mại điện tử trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm, các mô hình kinh doanh TMĐT, phân tích khách hàng trên mạng, E-marketing và E-payment, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử, cơ sở pháp lý để phát triển TMĐT và một số vấn đề kỹ thuật trong TMĐT. Học phần cũng giới thiệu một số nội dung về công nghệ được sử dụng trong thương mại điện tử như: tối ưu hóa các website thương mại điện tử, quảng bá website thương mại điện tử...

### **20. Hệ thống thông tin quản lý**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hệ thống thông tin quản lý là học phần kiến thức chung của ngành chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh doanh thương mại bằng Hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở Công nghệ thông tin một cách có hệ thống. Mặt khác, học phần đề cập đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật nhất về quản trị các Hệ thống thông tin quản lý ứng dụng trong kinh doanh thương mại, quản trị các nguồn lực và vấn đề an toàn hệ thống thông tin quản lý.

### **21. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích, đánh giá sự biến động của chỉ tiêu và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố từ đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

### **22. Kinh tế thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế Thương mại là học phần Kinh tế ngành của chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị cho người học nắm được các kiến thức về Kinh tế Thương mại. Hiểu được chức năng và những tác động của Thương mại. Nắm được bản chất của các hình thức thương mại hiện nay, cũng như tác động

của hoạt động Thương mại đối với quá trình phát triển kinh tế. Đánh giá được vai trò và ảnh hưởng của hội nhập quốc tế về thương mại

### **23. Giao dịch và đàm phán KD**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Marketing căn bản

- *Học phần học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận cho hoạt động giao dịch, đàm phán và giải thích được những đặc trưng của văn hóa. đồng thời vận dụng được các phong cách lãnh đạo, cách thức làm việc trong một tổ chức, theo nhóm và với bên ngoài. Bên cạnh đó còn biết vận dụng các phong cách đàm phán, chiến lược đàm phán và biết cách tổ một cuộc đàm phán ký kết hợp đồng kinh doanh

### **24. Tin ứng dụng trong KDTM**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tin ứng dụng trong KDTM là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các kiểu dữ liệu và nhóm hàm thông dụng trên bảng tính; Quản lý cơ sở dữ liệu trong chuỗi cung ứng; Tồn kho và ứng dụng bảng tính trong công tác tồn kho; tối ưu hóa nguồn tài nguyên bằng phần mềm bảng tính; trực quan hóa dữ liệu bằng biểu đồ và đồ thị.

### **25. Thực hành thương mại điện tử**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Thương mại điện tử

- *Học phần học trước:* Tin ứng dụng trong kinh doanh thương mại

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết “Thương mại điện tử”. Trên cơ sở lựa chọn được một sản phẩm từ đó có thể thiết kế một trang website bán hàng đơn giản, lựa chọn được nội dung bài viết cho sản phẩm để tối ưu hóa công cụ tìm kiếm; Sử dụng được các công cụ để khảo sát thị trường thông qua các công cụ trực tuyến và phân tích đối thủ cạnh tranh

### **26. Thực hành quản trị tài chính trong DNTM**

**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 60,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Quản trị tài chính trong DNTM

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được bố trí giảng dạy sau học phần Quản trị tài chính trong DNTM, thực hành các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết quản trị tài chính trong DNTM. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức quản lý, vốn lưu động; giá trị của dòng tiền theo thời gian, chi phí sử dụng vốn của các nguồn vốn, lập bảng CĐKT, KQKD trong tương lai

**27. Thực hành Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu****Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

- *Học phần học trước:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần thực tập chung của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị những kiến thức cần thiết để có thể lựa chọn phương thức giao dịch trong kinh doanh xuất nhập khẩu (XNK); thực hiện được quy trình giao dịch đàm phán ký kết hợp đồng XNK; quy trình thực hiện hợp đồng XNK và nhận dạng được những rủi ro trong hoạt động kinh doanh XNK.

**28. Thực hành Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng****Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 60,60)

- *Học phần tiên quyết:* Marketing căn bản

- *Học phần học trước:* Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý bán hàng, xây dựng mục tiêu và tổ chức lực lượng bán hàng, triển khai bán hàng, đánh giá hiệu quả bán hàng và chăm sóc khách hàng. Với định hướng sinh viên ra trường có thể ứng dụng tốt môn học vào làm việc ở mọi vị trí trong lực lượng bán hàng, học phần còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành các nghiệp vụ bán hàng trên phần mềm Misa Amis nhằm giúp sinh viên có thể tiếp cận với một phần mềm bán hàng hiện đại, có tính ứng dụng cao trong công việc thực tế tại các doanh nghiệp .

**29. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh****Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 120, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM

- *Học phần học trước:* Quản trị học, Dự báo thị trường, Marketing thương mại, tiểu luận 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thu thập thông tin về môi trường, phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong doanh nghiệp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua đó xây dựng kế hoạch kinh doanh để triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể phù hợp với điều kiện môi trường đã phân tích.

**30. Quản lý quan hệ khách hàng****Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần nghiên cứu tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, những đo lường marketing, tổ chức, sử dụng cơ sở dữ liệu khách

hàng... qua đó giúp sinh viên trả lời được các câu hỏi như: Thế nào là CRM? CRM giúp ta đạt được gì và đạt được như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong tổ chức?

### **31. Marketing thương mại**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Marketing căn bản

- *Học phần học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên nắm được nội dung, quá trình hình thành và vận hành đồng bộ các dòng tiếp thị và thực hiện hàng hóa trên thương trường. Các phương pháp và quy trình quản trị, công nghệ và nghệ thuật ứng xử phối hợp tối ưu các biến số kinh doanh và các quá trình có đặc trưng tiếp thị thương mại cơ bản nhằm đạt tới các mục tiêu chiến lược marketing của doanh nghiệp thương mại trong tình thế thị trường xác định

### **32. Thực tập cuối khóa**

**Số TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập:* 5 (0,300,0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết Kinh doanh thương mại trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **33. Khóa luận tốt nghiệp**

**Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập:* 9 (0, 540, 0)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Kinh doanh thương mại. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

### **34. Xây dựng và phát triển thương hiệu**

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kinh tế thương mại

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu bao gồm quy trình từ xây dựng đến phát triển thương hiệu. Ngoài ra, học phần còn cập nhật thêm các kiến thức về thương hiệu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

### 35. Logistics

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kinh tế thương mại, Quản trị chuỗi cung ứng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Logistics là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics và các hoạt động logistics. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại các doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này trong điều kiện môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

### 36. Lập và quản lý dự án đầu tư

**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90 )

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kỹ thuật dự báo thị trường

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lập và quản lý dự án đầu tư là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận ngành Kinh doanh thương mại. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cùng kiến thức chuyên sâu và cập nhật hơn về lập và quản lý dự án đầu tư qua các nội dung: Lý luận chung về đầu tư, dự án đầu tư, cơ sở khoa học cho việc phải đầu tư theo dự án, làm rõ trình tự, nội dung nghiên cứu và tổ chức soạn thảo dự án, phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư; Những kiến thức về quản lý dự án đầu tư như : lập kế hoạch, tổ chức quản lý dự án, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng và quản lý rủi ro dự án. Từ đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức trên vào việc lập và quản lý một dự án đầu tư trong thực tế.

## 12. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia Việt Nam

#### 12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
chính trị và pháp luật.	mình và cho người khác.	hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

### 12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TD QG	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19	CDR 20	CDR 21	CDR 22
KT1						X																
KT2	X	X	X																			
KT3					X																	
KT4										X	X	X										
KT5							X	X	X				X	X	X	X						
KN1																						
KN2																						
KN3																						
KN4																						
KN5																	X	X				
KN6				X																		



TCTN1																			X			
TCTN2																						
TCTN3																				X	X	
TCTN4																						X



## 12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

12.2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và trường Đại học Công nghệ thành phố HCM

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>38</b>	<b>27,9</b>	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	<b>34,1</b>	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	<b>31,65</b>
<i>1.1. Lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	<i>8,09</i>	<i>1.1. Các học phần lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	<i>8,5</i>	<i>1.1. Các học phần lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	<i>7,91</i>
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,2	1. Triết học Mác - Lê Nin	3	2,32	1. Triết học Mác - Lê Nin	3	2,16
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,47	2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	1,55	2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	1,44
3. CNXH Khoa học	2	1,47	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,55	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,44
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,47	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	2	1,55	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	2	1,44
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,47	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,55	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,44
<i>1.2. Khoa học xã hội, tự nhiên, toán, tin học</i>	<i>8</i>	<i>6,2</i>	<i>1.2. Các học phần của trường</i>	<i>12</i>	<i>9,3</i>	<i>1.2. Các học phần của trường</i>	<i>15</i>	<i>10,8</i>
1. Pháp luật đại cương	2	1,47	1. Kinh tế Vi mô 1	3	2,32	1. Đại số tuyến tính và giải tích	3	2,16
2. Toán ứng dụng kinh tế	3	2,2	2. Kinh tế Vĩ mô 1	3	2,32	2. Logic học	3	2,16
3. Xác suất - Thống kê	3	2,2	3. Pháp luật Đại cương	3	2,32	3. Quản trị học	3	2,16
			4. Toán cho các nhà kinh tế	3	2,32	4. Tâm lý học	3	2,16
						5. Nhập môn công nghệ thông tin	3	2,16

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>16</b>	<b>11,76</b>	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>9</b>	<b>6,96</b>	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>18</b>	<b>12,98</b>
1. Tiếng Anh 1	4	2,94				1. Tiếng Anh 1	3	2,16
2. Tiếng Anh 2	4	2,94				2. Tiếng Anh 2	3	2,16
3. Tiếng Anh 3	4	2,94				3. Tiếng Anh 3	3	2,16
4. Tiếng Anh 4	4	2,94				4. Tiếng Anh 4	3	2,16
						5. Tiếng Anh 5	3	2,16
						6. Tiếng Anh 6	3	2,16
<b>1.4. Kiến thức bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,94</b>	<b>1.4 Các học phần của ngành</b>	<b>12</b>	<b>9,3</b>			
1. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	1	0,74	1.Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	2,32			
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,74	2. Nguyên lý kế toán	3	2,32			
3. Kỹ năng nhân thức bản thân	1	0,74	3. Quản trị kinh doanh 1	3	2,32			
<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>98</b>	<b>72,06</b>	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	<b>65,9</b>	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>	<b>61,87</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>20,59</b>	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	<b>11,63</b>	<b>2.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>74</b>	<b>53,25</b>
<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>				1. Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3	2,16
1. Kinh tế vi mô	2	1,47	1. Quản trị chiến lược	3	2,32	2. Nhập môn kinh doanh thương mại	3	2,16
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47	2. Quản trị tài chính	3	2,32	3. Kinh tế vi mô	3	2,16
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,2	3. Quản trị nhân lực	3	2,32	4. Kinh tế vĩ mô	3	2,16

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
4. Quản trị học	3	2,2	4. Quản trị vận hành	3	2,32	5. Luật kinh tế	3	2,16
5. Tài chính tiền tệ	3	2,2	5. Quản trị marketing	3	2,32	6. Nguyên lý kế toán	3	2,16
6. Kế toán doanh nghiệp	3	2,2				7. Marketing căn bản	3	2,16
7. Luật Thương mại	3	2,2				8. Kỹ năng bán hàng và quản trị bán hàng	3	2,16
8. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	2,2				9. Quản trị thương hiệu	3	2,16
2.1.2. Kiến thức tự chọn	6	4,4				10. Tiếp thị và bán hàng trực tuyến	3	2,16
<i>Tự chọn 1:</i>								
1. Văn hóa kinh doanh	2	1,47						
2. Kinh tế quốc tế								
<i>Tự chọn 2:</i>								
3. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1,47				11. Tài chính doanh nghiệp căn bản	3	2,16
4. Kế toán quản trị								
<i>Tự chọn 3:</i>								
5. Kinh tế đầu tư	2	1,47				12. Thống kê kinh doanh và phân tích dữ liệu	3	2,16
6. Lịch sử các học thuyết kinh tế								
						13. Đạo đức kinh doanh	3	2,16
						14. Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	2,16
						15. Kỹ thuật đàm	3	2,16

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
						phân và giao tiếp trong kinh doanh		
						16. Đồ án phân tích báo cáo kinh doanh	1	0,72
						17. Đồ án định lượng trong kinh tế	1	0,72
<b>2.2. Kiến thức chung của ngành</b>	<b>48</b>	<b>35,3</b>	<b>2.2. Kiến thức chung của ngành</b>	<b>42</b>	<b>32,56</b>	18. Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh thương mại	3	2,16
2.2.1. Kiến thức bắt buộc	23	16,91	2.2.1. Các HP bắt buộc	27	20,93	19. Hệ thống thông tin quản trị trong kinh doanh	3	2,16
1. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2,2	1. Kinh tế thương mại 1	3	2,32	20. Quản trị chất lượng	3	2,16
2. Marketing căn bản	3	2,2	2. Kinh doanh thương mại	3	2,32	21. Hành vi khách hàng trong kỹ thuật số	3	2,16
3. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	1,47	3. Quản trị doanh nghiệp thương mại 1	3	2,32	22. Quản trị tác nghiệp thương mại	3	2,16
4. Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	3	2,2	4. Thương mại quốc tế 1	3	2,32	23. Phương pháp dự báo kinh doanh và đặt chỉ tiêu	3	2,16
5. Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM	3	2,2	5. Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế 1	3	2,32	24. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	2,16
6. Quản trị tài chính trong DNTM	3	2,2	6. Kinh tế hải quan 1	3	2,32	25. Đồ án thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng	1	0,72
7. Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	2,2	7. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	2,32	26. Đồ án chuyên ngành Kinh doanh thương mại	1	0,72
8. Thương mại	3	2,2	8. Thương mại	3	2,32	27. Mô phỏng	1	0,72

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
điện tử			điện tử			kinh doanh thương mại		
			9. Đề án ngành Kinh doanh thương mại	3	2,32	28. Thực tập tốt nghiệp ngành Kinh doanh thương mại (*)	3	2,16
<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>	18	13,24	<i>2.2.2. Các HP tự chọn</i>			<b>2.2. Kiến thức tự chọn</b>	<b>12</b>	<b>8,64</b>
<i>Tự chọn 1:</i>			1. Hội nhập kinh tế quốc tế			<i>Nhóm 1: Thương mại</i>		
1. Hệ thống thông tin quản lý	3	2,2	2. Nghiệp vụ hải quan 1			1. Quảng cáo và xúc tiến thương mại quốc tế	3	2,16
2. Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2	3. Kinh doanh Logistics	15	11,63	2. Tài chính quốc tế	3	2,16
	3	2,2	4. Pháp luật kinh tế	3	2,32	3. Bảo hiểm và vận tải quốc tế	3	2,16
			5. Kinh doanh quốc tế	3	2,32	4. Phát triển kinh doanh quốc tế	3	2,16
<i>Tự chọn 2:</i>						<i>Nhóm 2: Quản lý chuỗi cung ứng</i>		
3. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2,2	6. Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	3	2,32	1. Hệ thống thông tin Logistics	3	2,16
4. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	3	2,2	7. Marketing công nghệ số	3	2,32	2. Bảo hiểm và vận tải quốc tế	3	2,16
<i>Tự chọn 3:</i>	3	2,2	8. Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	3	2,32	3. Kho bãi và kênh phân phối	3	2,16
5. Thị trường chứng khoán	3	2,2		3	2,32	4. Quản trị vận hành	3	2,16
6. Kinh tế thương mại	3	2,2		3	2,32	<b>panit</b>		
<i>Tự chọn 4:</i>				3	2,32	1. Quản trị dự án	3	2,16

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
						kinh doanh		
7. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	2,2				2. Quản trị quan hệ khách hàng	3	2,16
8. Giao dịch và đàm phán KD	3	2,2				3. Quản trị vận hành	3	2,16
<i>Tự chọn 5:</i>						4. Tư vấn kinh doanh	3	2,16
9. Thực tập quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2						
10. Tin ứng dụng trong KDTM	3	2,2						
<i>Tự chọn 6:</i>								
11. Thực hành Marketing thương mại	3	2,2						
12. Thực hành Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	2,2						
13. Thực hành Thương mại điện tử	3	2,2				<b>Nhóm 4: Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>	<b>8,64</b>
<i>2.2.3. Kiến thức bổ trợ</i>	<i>7</i>	<i>5,14</i>				<b>3. Kiến thức kỹ năng</b>	<b>9</b>	<b>6,48</b>
14. Thực hành Quản trị tài chính trong DN TM	2	1,47				1. Kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian	3	2,16
15. Thực hành nghiệp vụ KD XNK	3	2,2				2. Kỹ năng thuyết trình và tìm việc	3	2,16
16. Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	2	1,47				3. Luật và Khởi nghiệp	3	2,16
<b>2.3. Kiến thức</b>	<b>22</b>	<b>16,1</b>	<b>2.3. Kiến thức</b>	<b>28</b>	<b>13,9</b>			

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
<i>chuyên ngành (chọn theo mô đun)</i>		<b>8</b>	<i>chuyên sâu</i>		<b>5</b>			
<i>A. Mô đun 1: Kinh doanh thương mại</i>	22	<i>16,1 8</i>	<i>A. Chuyên sâu QTKD Thương mại</i>	28	21,7			
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	2	1,47	1. Kinh tế thương mại 2	3	2,32			
2. Lập và quản lý dự án đầu tư	3	2,2	2. Quản trị doanh nghiệp thương mại 2	3	2,32			
3. Thực tập phân tích HĐKD trong DNTM	3	2,2	3. Quản lý thị trường	3	2,32			
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	4. Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2,32			
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	5. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại	3	2,32			
1. Xây dựng và phát triển thương hiệu	3	2,2	6. Định mức kinh tế kỹ thuật	3	2,32			
2. Logistics	3	2,2	7. E - Logistics	3	2,32			
3. Lập và quản lý dự án đầu tư	3	2,2	8. Kinh doanh dịch vụ quốc tế	3	2,32			
			<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>7,75</b>			
<i>B. Mô đun 2: Thương mại điện tử</i>	22	<i>16,1 8</i>	<i>B. Chuyên sâu Thương mại quốc tế</i>	28	21,7			
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong	2	1,47	1. Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế 2	3	2,32			



ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
DNTM								
2. Phát triển hệ thống thương mại điện	3	2,2	2. Thanh toán và Tín dụng Thương mại quốc tế	3	2,32			
3. Thiết kế và triển khai website	3	2,2	3. Chuyên đề cập nhật Thương mại quốc tế	3	2,32			
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	4. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	2,32			
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	5. Thương phẩm học hàng hoá	3	2,32			
1. Thanh toán điện tử	3	2,2	6. Tiếng Anh Thương mại quốc tế	3	2,32			
2. Thiết kế và triển khai website	3	2,2	7. Thương mại quốc tế 2	3	2,32			
3. Thương mại di động	3	2,2	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>7,75</b>			
<i>C. Mô đun 3: Kinh doanh quốc tế</i>	22	<i>16,18</i>						
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47	<i>C. Chuyên sâu Kinh tế Hải quan</i>	28	21,7			
2. Kinh doanh quốc tế	3	2,2	1. Kinh tế hải quan 2	3	2,32			
3. Thanh toán quốc tế	3	2,2	2. Nghiệp vụ hải quan 2	3	2,32			
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	3. Thanh tra Hải quan	3	2,32			
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	4. Kiểm tra sau thông	3	2,32			
1. Marketing quốc tế	3	2,2	5. Kho ngoại quan	3	2,32			

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	2,2	6. Pháp luật hải quan	3	2,32			
3. Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	3	2,2	7. Thương phẩm học hàng hoá	3	2,32			
			<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>7,75</b>			

12.2.2 So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Đại học Cần Thơ và Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố HCM

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)
1. Kiến thức giáo dục đại cương	38	27,9	1. Kiến thức giáo dục đại cương	47	33,33	1. Kiến thức giáo dục đại cương	66	50
<i>1.1. Lý luận chính trị</i>	11	8,09	<i>1.1. Các học phần chung</i>	11	7,8	<i>1.1. Các học phần chính trị</i>	11	8,33
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,2	1. Triết học Mac-Lênin	3	2,13	1. Triết học Mác - Lê Nin	3	2,27
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,47	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,42	2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	1,15
3. CNXH Khoa học	2	1,47	3. CNXH Khoa học	2	1,42	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,15
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,47	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,42	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	2	1,15
5. Lịch sử Đảng	2	1,47	5. Lịch sử Đảng	2	1,42	5. Tư tưởng Hồ	2	1,15

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CẦN THƠ</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
cộng sản Việt Nam			cộng sản Việt Nam			Chí Minh		
<b>1.2. Khoa học xã hội, tự nhiên, toán, tin học</b>	<b>8</b>	<b>6,2</b>	<b>1.2. Khoa học xã hội, tự nhiên, toán, tin học</b>	<b>14</b>	<b>9,93</b>	<b>1.2. Các học phần KHTN</b>	<b>9</b>	<b>6,82</b>
1. Pháp luật đại cương	2	1,47	1. Tin học căn bản	1	0,71	1. Toán cao cấp	3	2,27
2. Toán ứng dụng kinh tế	3	2,2	2. TT. Tin học căn bản	2	1,42	2. Xác suất thống kê	3	2,27
3. Xác suất - Thống kê	3	2,2	3. Pháp luật đại cương	2	1,42	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2,27
			4. Xác suất thống kê	3	2,13			
			5. Toán kinh tế 1	3	2,13			
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>16</b>	<b>11,76</b>	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>20</b>	<b>14,18</b>	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>28</b>	<b>21,2</b>
1. Tiếng Anh 1	4	2,94	1. Anh văn căn bản 1	4	2,84	1. Tiếng Anh 1	4	3,03
2. Tiếng Anh 2	4	2,94	2. Anh văn căn bản 2	3	2,13	2. Tiếng Anh 2	4	3,03
3. Tiếng Anh 3	4	2,94	3. Anh văn căn bản 3	3	2,13	3. Tiếng Anh 3	4	3,03
4. Tiếng Anh 4	4	2,94	4. Anh văn tăng cường 1	4	2,84	4. Tiếng Anh 4	4	3,03
			5. Anh văn tăng cường 2	3	2,13	5. Tiếng Anh 5	4	3,03
			6. Anh văn tăng cường 3	3	2,13	6. Tiếng Anh 6	4	3,03
						7. Tiếng Anh 7	4	3,03

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CẦN THƠ</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
<b>1.4. Kiến thức bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,94</b>	<b>1.4. Kiến thức bổ trợ</b>	<b>2</b>	<b>1,42</b>	<b>1.4. Các học phần khác</b>	<b>18</b>	<b>13,64</b>
1. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	1	2,2	1. Kỹ năng giao tiếp	2	1,42	1. Pháp luật đại cương	3	2,27
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,74	2. Xã hội học đại cương	2	1,42	2. Tin học đại cương	3	2,27
3. Kỹ năng nhân thức bản thân	1	0,74	3. Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	1,42	3. Project design 1	3	2,27
			4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	1,42	4. Project design 2	3	2,27
						5. Quản trị tài chính	3	2,27
						6. Khởi nghiệp	3	2,27
<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>98</b>	<b>71,3</b>	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>94</b>	<b>66,67</b>	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>66</b>	<b>50</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>20,59</b>	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>36</b>	<b>25,53</b>	<b>2.1. Kiến thức cơ bản, nền tảng ngành</b>	<b>12</b>	<b>9,09</b>
<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>	<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>29</b>	<b>20,57</b>			
1. Kinh tế vi mô	2	1,47	1. Kinh tế vi mô 1	3	2,13	1. Kinh tế vi mô	3	2,27
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47	2. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,13	2. Kinh tế vĩ mô	3	2,27
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,2	3. Nguyên lý thống kê kinh tế	3	2,13	3. Quản trị học	3	2,27

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
4. Quản trị học	3	2,2	4. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2,13	4. Marketing căn bản	3	2,27
5. Tài chính tiền tệ	3	2,2	5. Luật Thương mại	3	2,13			
6. Kế toán doanh nghiệp	3	2,2	6. Quản trị học	3	2,13			
7. Luật Thương mại	3	2,2	7. Marketing căn bản	3	2,13			
8. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	2,2	8. Nguyên lý kế toán	3	2,13			
			9. Tài chính - Tiền tệ	3	2,13			
			10. Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	1,42			
<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn</i>	6	4,4	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn</i>	7	4,96			
<i>Tự chọn 1:</i>			1. Kinh tế lượng	3	2,13			
1. Văn hóa kinh doanh	2	1,47	2. Phân tích định tính trong kinh doanh	2	1,42			
2. Kinh tế quốc tế			3	2,13				
<i>Tự chọn 2:</i>			4. Kế toán quản trị 1	3	2,13			
3. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1,47	5. Hành vi tổ chức	2	1,42			
4. Kế toán quản			6. Quản trị sự	2	1,42			

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
trị			thay đổi					
<i>Tự chọn 3:</i>								
5. Kinh tế đầu tư								
6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	1,47						
<b>2.2. Kiến thức chung của ngành</b>	<b>48</b>	<b>35,3</b>	<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>58</b>	<b>41,13</b>	<b>2.2. Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>21</b>	<b>15,91</b>
2.2.1. Kiến thức bắt buộc	23	16,91	2.2.1. Kiến thức bắt buộc	38	26,95	1. Nguyên lý kế toán	3	2,27
1. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2,2	1. Quy hoạch tuyến tính	3	2,13	2. Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	2,27
2. Marketing căn bản	3	2,2	2. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	1,42	3. Quản trị chiến lược	3	2,27
3. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	1,47	3. Quản trị tài chính	3	2,13	4. Quản trị nguồn nhân lực	3	2,27
4. Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	3	2,2	4. Anh văn thương mại 1	3	2,13	5. Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2,27
5. Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM	3	2,2	5. Marketing thương mại	3	2,13	6. Quản trị marketing	3	2,27
6. Quản trị tài chính trong DNTM	3	2,2	6. Quản trị bán hàng	2	1,42	7. Hành vi người tiêu dùng	3	2,27
7. Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	2,2	7. Kỹ thuật đàm phán	2	1,42			

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
8. Thương mại điện tử	3	2,2	8. Thương mại điện tử	2	1,42			
			9. Kiến tập ngành Kinh doanh thương mại	2	1,42			
			10. Chuyên đề Kinh doanh thương mại	2	1,42			
			11. Hành vi khách hàng	2	1,42			
			12. Quản trị quan hệ khách hàng	2	1,42			
			13. Quản trị thương mại	3	2,13			
			14. Quản trị mua hàng và lưu kho	2	1,42			
			15. Quản trị chuỗi cung ứng	2	1,42			
			16. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	2,13			
<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>	<i>18</i>	<i>13,24</i>	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>	<i>20</i>	<i>14,18</i>			
<i>Tự chọn 1:</i>			1. Thị trường chứng khoán	3	2,13			
1. Hệ thống thông tin quản lý	3	2,2	2. Thuế	3	2,13			
2. Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2	3. Kinh doanh quốc tế	3	2,13			
<i>Tự chọn 2:</i>			4. Quản trị chất lượng sản phẩm	2	1,42			

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
3. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2,2	5. Quản trị chiến lược	3	2,13			
4. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	3	2,2	6. Digital Marketing	2	1,42			
<i>Tự chọn 3:</i>	3	2,2	7. Quan hệ công chúng	2	1,42			
5. Thị trường chứng khoán	3	2,2	8. Quản trị nguồn nhân lực	3	2,13			
6. Kinh tế thương mại	3	2,2						
<i>Tự chọn 4:</i>								
7. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	2,2						
8. Giao dịch và đàm phán KD	3	2,2						
<i>Tự chọn 5:</i>								
9. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2						
10. Tin ứng dụng trong KDTM	3	2,2						
<i>Tự chọn 6:</i>								
11. Thực hành Marketing thương mại	3	2,2						
12. Thực hành Giao dịch và	3	2,2						



<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CẦN THƠ</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
đàm phán kinh doanh								
13. Thực hành Thương mại điện tử	3	2,2						
<i>2.2.3. Kiến thức bổ trợ</i>	7	5,14						
17. Thực hành Quản trị tài chính trong DN TM	2	1,47						
18. Thực hành nghiệp vụ KD XNK	3	2,2						
19. Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	2	1,47						
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành (chọn theo mô đun)</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>				<b>2.3. Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>33</b>	<b>25</b>
A. Mô đun 1: Kinh doanh thương mại	22	16,18				1. Thương mại điện tử	3	2,27
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	2	1,47				2. Bán hàng căn bản	3	2,27
2. Lập và quản lý dự án đầu tư	3	2,2				3. Quản trị quan hệ khách hàng	3	2,27
3. Thực hành	3	2,2				4. Quản trị bán	3	2,27

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
phân tích HĐKD trong DNTM						hàng		
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>				5. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2,27
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>				6. Nghiệp vụ ngoại thương	3	2,27
1. Xây dựng và phát triển thương hiệu	3	2,2				7. Thực tập tốt nghiệp	3	2,27
2. Logistics	3	2,2				<b>Khóa luận TN (hoặc 1 trong 2 ngành)</b>	<b>12</b>	<b>9,09</b>
3. Quản lý quan hệ khách hàng	3	2,2				<i>A. Kinh doanh thương mại</i>	12	<b>9,09</b>
<i>B. Mô đun 2: Thương mại điện tử</i>	22	16,18				1. Quản trị kênh phân phối	3	2,27
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	2	1,47				2. Bán hàng chuyên nghiệp	3	2,27
2. Phát triển hệ thống thương mại điện	3	2,2				3. Marketing B2B	3	2,27
3. Thiết kế và triển khai website	3	2,2				4. Quản trị xúc tiến thương mại	3	2,27
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>				<i>B. Kinh doanh bán lẻ</i>	12	<b>9,09</b>
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>				1. Quản trị bán lẻ	3	2,27
1. Thanh toán	3	2,2				2. Quản trị	3	2,27

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC CẦN THƠ (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP HCM (Ngành: Kinh doanh thương mại)		
điện tử						trung tâm thương mại		
2. Thiết kế và triển khai website	3	2,2	<b>Luận văn tốt nghiệp - KDTM</b>	<b>10</b>	<b>7,09</b>	3. Cung ứng bán lẻ	3	2,27
3. Thương mại di động	3	2,2	1. Tiểu luận tốt nghiệp - KDTM	4	2,84	4. Thiết kế cửa hàng và trưng bày hàng hóa	3	2,27
<i>C. Mô đun 3: Kinh doanh quốc tế</i>	22	16,18	2. Dự báo kinh tế	3	2,13			
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47	3. Quản trị thương hiệu	3	2,13			
2. Kinh doanh quốc tế	3	2,2	4. Quản trị liên văn hóa	2	1,42			
3. Thanh toán quốc tế	3	2,2	5. Phân tích báo cáo tài chính	2	1,42			
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>						
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>						
1. Marketing quốc tế	3	2,2						
2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	2,2						
3. Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	3	2,2						

12.2.3 So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Đại học Melbourne và Đại học Canterbury

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>38</b>	<b>28,7</b>	<b>1. Môn học bắt buộc</b>		<b>29,19</b>	<b>1. Môn học bắt buộc</b>		
<i>1.1. Lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	<i>8,09</i>						
1. Triết học Mac-Lênin	3	2,2	1. Giới thiệu kinh tế vi mô		4,17	1. Kế toán và thông tin tài chính		
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,47	2. Phương pháp nghiên cứu định lượng 1		4,17	2. Giới thiệu về Kinh tế vi mô		
3. CNXH Khoa học	2	1,47	3. Phân tích và báo cáo kế toán		4,17	3. Công nghệ và Hệ thống Thông tin Kinh doanh		
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,47	4. Giới thiệu kinh tế vĩ mô		4,17	4. Các nguyên tắc cơ bản về quản trị		
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,47	5. Nguyên lý tài chính		4,17	5. Nguyên lý thống kê		
<i>1.2. Khoa học xã hội, tự nhiên, toán, tin học</i>	<i>8</i>	<i>6,2</i>	6. Hành vi của tổ chức		4,17	6. Văn hóa và kinh doanh		
1. Pháp luật đại cương	2	1,47	7. Phương pháp nghiên cứu định lượng 2		4,17			
2. Toán ứng dụng kinh tế	3	2,2	<b>2. Môn học mở rộng và tự chọn</b>		<b>65,8</b>	<b>2. Các môn học tự chọn</b>		
3. Xác suất - Thống kê	3	2,2	1. Toán học cấp tốc			1. Kế toán		

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC MELBOURNE (Ngành: Thương mại)			ĐẠI HỌC CANTERBURY (Ngành: Thương mại)		
			2. Diễn xuất cho Sân khấu và Màn ảnh			2. Thể thao mạo hiểm và Môi trường		
			3. AI và Luật			3. Hoạt hình		
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>16</b>	<b>11,76</b>	4. Nền văn minh cổ đại A			4. Nhân chủng học		
1. Tiếng Anh 1	4	2,94	5. Nền văn minh cổ đại B			5. Lịch sử và lý thuyết nghệ thuật		
2. Tiếng Anh 2	4	2,94	6. Ai Cập cổ đại và Cận Đông			6. Thiên văn học		
3. Tiếng Anh 3	4	2,94	7. Nghiên cứu Hy Lạp cổ đại			7. Hóa sinh		
4. Tiếng Anh 4	4	2,94	8. Hy Lạp cổ đại			8. Sinh học		
			9. Nhân chủng học - nghi lễ, ý nghĩa và hiệu suất			9. Phân tích kinh doanh		
			10. Nhân học - bản thân và xã hội			10. Kinh doanh và Bền vững		
<b>1.4. Kiến thức bổ trợ</b>	<b>3</b>	<b>2,94</b>	11. Nhân học - cấu trúc, bản sắc và sức mạnh			11. Hoá học		

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)</b>			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE (Ngành: Thương mại)</b>			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY (Ngành: Thương mại)</b>		
1. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	1	2,2	12. Khảo cổ học			12. người Trung Quốc		
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,74	13. Lịch sử kiến trúc			13. Nghiên cứu điện ảnh		
3. Kỹ năng nhân thức bản thân	1	0,74	14. Ngành kiến trúc			14. Nghệ thuật điện ảnh		
			15. Thực hành và Tương tác Nghệ thuật			15. Kinh điển		
			16. Hệ thực vật Úc			16. Khoa học máy tính		
			17. Động vật hoang dã Úc			17. Nghiên cứu văn hóa		
			18. Công nghệ sinh học			18. Nhân văn kỹ thuật số		
			19. Sinh học tế bào và phát triển			19. Kinh tế học		
<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>98</b>	<b>72,06</b>	20. Kỹ thuật hóa học			20. Giáo dục		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>20,59</b>	21. Nghiên cứu Trung Quốc			21. Tiếng Anh		
<b>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>	22. Biểu diễn hợp xướng			22. Ngôn ngữ tiếng anh		
1. Kinh tế vi mô	2	1,47	23. Khí hậu và Nước			23. Tinh thần kinh doanh		

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47	24. Khí hậu thay đổi			24. Khoa học môi trường		
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2,2	25. Sự thi công			25. Nghiên cứu Châu Âu và Liên minh Châu Âu		
4. Quản trị học	3	2,2	26. Công nghệ và nguyên tắc xây dựng			26. Tài chính		
5. Tài chính tiền tệ	3	2,2	27. Văn bản sáng tạo			27. người Pháp		
6. Kế toán doanh nghiệp	3	2,2	28. Sáng tạo, Nghệ thuật và Người trẻ			28. Nghệ thuật trò chơi		
7. Luật Thương mại	3	2,2	29. Khiêu vũ Khiêu vũ			29. Sự phát triển trò chơi		
8. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	2,2	30. Điếc và Giao tiếp			30. Địa lý		
<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn</i>	6	4,4	31. Nghiên cứu phát triển			31. Địa chất học		
<i>Tự chọn 1:</i>	2	1,47	32. Vẽ, Tranh và Quan sát			32. tiếng Đức		
1. Văn hóa kinh doanh	2	1,47	33. Cấu trúc của Trái đất			33. Giáo dục thể chất		
2. Kinh tế quốc tế	2	1,47	34. Sinh thái học			34. Lịch sử		
<i>Tự chọn 2:</i>	2	1,47	35. Hệ sinh thái, Tiến hóa và Nhân loại			35. Quản trị nhân sự		

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
3. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1,47	36. Kỹ thuật điện			36. Dịch vụ Nhân sinh		
4. Kế toán quản trị	2	1,47	37. Kỹ thuật và Môi trường			37. Tường thuật bản địa		
<i>Tự chọn 3:</i>	2	1,47	38. Tiếng Anh			38. Hệ thống thông tin		
5. Kinh tế đầu tư	48	35,3	39. Trải nghiệm Văn hóa Bản địa và Thực hành Sáng tạo			39. Sự đổi mới		
6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	32	25,73	40. Nuôi dưỡng dân số thế giới			40. Kinh doanh quốc tế		
			41. Rừng và Lửa			41. Tiếng Nhật		
			42. Di truyền chung			42. Ngôn ngữ học		
			43. Di truyền và Xã hội			43. Nghiên cứu về người Maori và Bản địa		
			44. Địa chất tại hiện trường			44. Tiếp thị		
			45. Chính phủ, Chính sách công và Quản lý			45. Toán học		
<b>2.2. Kiến thức chung của</b>	<b>48</b>	<b>35,3</b>	46. Làm xanh cảnh quan			46. Truyền thông và		



<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)</b>			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE (Ngành: Thương mại)</b>			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY (Ngành: Thương mại)</b>		
<i>ngành</i>			đô thị			Truyền thông		
2.2.1. Kiến thức bắt buộc	23	16,91	47. Di truyền con người			47. Âm nhạc		
1. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2,2	48. Tiếng Indonesia - Điểm đầu vào 1			48. Dinh dưỡng		
2. Marketing căn bản	3	2,2	49. Giới thiệu về Xây dựng			49. Hoạt động và quản lý chuỗi cung ứng		
3. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	1,47	50. Tiếng Nhật - Điểm đầu vào 1			50. Phân tích hiệu suất		
4. Kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	3	2,2	51. Biết và Học			51. Triết học		
5. Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM	3	2,2	52. Tiếng Hàn - Điểm đầu vào 1			52. Hoạt động thể chất		
6. Quản trị tài chính trong DNTM	3	2,2	53. Tiếng Hàn - Điểm đầu vào 3			53. Vật lý		
7. Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	2,2	54. Kiến trúc cảnh quan			54. Khoa học Chính trị và Quan hệ Quốc tế		
8. Thương mại điện tử	3	2,2	55. Luật - Kinh doanh và Cạnh tranh và Luật Người tiêu dùng			55. Sự tham gia của cộng đồng và chuyên nghiệp		

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC MELBOURNE (Ngành: Thương mại)			ĐẠI HỌC CANTERBURY (Ngành: Thương mại)		
2.2.2. Kiến thức tự chọn	18	13,24	56. Luật - Luật Kinh doanh và Thuế			56. Tâm lý		
Tự chọn 1:			57. Luật - Luật Kinh doanh và Công việc			57. Sức khỏe cộng đồng		
1. Hệ thống thông tin quản lý	3	2,2	58. Luật - Truyền thông và Luật Sở hữu trí tuệ			58. tiếng Nga		
2. Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2	59. Thể thao và Giải trí Cộng đồng Hàng đầu			59. Âm thanh màn hình		
			60. Ngôn ngữ học: Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh			60. Kịch		
			61. Ngôn ngữ học: Ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội và văn hóa của nó			61. Xã hội và Chính sách		
Tự chọn 2:			62. Ngôn ngữ học: Cấu trúc và phân tích ngôn ngữ			62. Xã hội học		
3. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2,2	63. Sống trong các Hệ sinh thái Nguy hiểm của Úc			63. Tiếng Tây Ban Nha		

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Kinh doanh thương mại)			ĐẠI HỌC MELBOURNE (Ngành: Thương mại)			ĐẠI HỌC CANTERBURY (Ngành: Thương mại)		
4. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	3	2,2	64. Sống với động vật			64. Khoa học thể thao		
<i>Tự chọn 3:</i>	3	2,2	65. Sống với thực vật			65. Số liệu thống kê		
5. Thị trường chứng khoán	3	2,2	66. Làm phim			66. Sức mạnh và điều kiện		
6. Kinh tế thương mại	3	2,2	67. Cuộc sống biển			67. Thuế		
<i>Tự chọn 4:</i>			68. Toán học và Thống kê			68. Tiếng Te Reo Māori		
7. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	2,2	69. Toán kinh tế			69. Tiếp thị và Quản lý Du lịch		
8. Giao dịch và đàm phán KD	3	2,2	70. Kỹ sư cơ khí			70. Lãnh đạo Thanh niên và Cộng đồng		
<i>Tự chọn 5:</i>			71. Vi sinh và miễn dịch học			<b>3. Các chuyên ngành</b>		
9. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2,2	72. Trung Đông và Hồi giáo			1. Kế toán		
10. Tin ứng dụng trong KDTM	3	2,2	73. Âm nhạc, Trí óc và Sức khỏe			2. Kinh tế học		
<i>Tự chọn 6:</i>			74. Âm nhạc bên ngoài truyền thống			3. Tài chính		

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
			phương Tây					
11. Thực hành Marketing thương mại	3	2,2	75. Sân khấu âm nhạc: Nghiên cứu hướng dẫn thực hành			4. Quản trị nhân sự		
12. Thực hành Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	2,2	76. Hệ thống tự nhiên và thế giới được thiết kế của chúng ta			5. Hệ thống thông tin		
13. Thực hành Thương mại điện tử	3	2,2	77. Biểu diễn âm nhạc phi phương Tây			6. Kinh doanh quốc tế		
14. Thực hành Quản trị tài chính trong DN TM	2	1,47	78. Con người và Môi trường			7. Ban quản lý		
15. Thực hành nghiệp vụ KD XNK	3	2,2	79. Chính trị và Nghiên cứu Quốc tế			8. Tiếp thị		
16. Thực hành kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng	2	1,47	80. Nhạc Pop			9. Hoạt động và quản lý chuỗi cung ứng		
14. Thực hành Quản trị tài chính trong DN TM	2	1,47	81. Các cá nhân, tổ chức và cộng đồng tích cực			10. Chiến lược và tinh thần kinh doanh		
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành (chọn theo mô đun)</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>	82. In ấn, In màn hình và Hoạt ảnh			11. Thuế và Kế toán		
<b>A. Mô đun 1: Kinh doanh</b>	<b>22</b>	<b>16,18</b>	83. Tài sản			12. Tiếp thị và Quản lý Du lịch		

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
<i>thương mại</i>								
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	2	1,47	84. Bất động sản trong nền kinh tế đô thị			<b>4. Chương trình thực tập</b>		
2. Lập và quản lý dự án đầu tư	3	2,2	85. Nghiên cứu La Mã			1. Thực tập trong ngành		
3. Thực hành phân tích HĐKD trong DNTM	3	2,2	86. Xã hội học			2. Giao lưu quốc tế		
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	87. Nghiên cứu về Sáng tác Âm nhạc và Ngôn ngữ Âm nhạc			3. Tham quan học tập ở nước ngoài		
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	88. Nghiên cứu về âm nhạc phương Tây					
1. Xây dựng và phát triển thương hiệu	3	2,2	89. Ngành bất động sản					
2. Logistics	3	2,2	90. Hiểu về thảm họa, quản lý và lập kế hoạch					
3. Lập và quản lý dự án đầu tư	3	2,2	91. TK và Quy hoạch Đô thị					
			92. Quy hoạch đô thị					
<i>B. Mô đun 2: Thương mại điện tử</i>	22	16,18	93. Rượu và thức ăn					

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	2	1,47	94. Tuổi trẻ, Quyền công dân và Bản sắc					
2. Phát triển hệ thống thương mại điện	3	2,2	95. Sân khấu âm nhạc: Nghiên cứu hướng dẫn thực hành					
3. Thiết kế và triển khai website	3	2,2	96. Hệ thống tự nhiên và thế giới được thiết kế của chúng ta					
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	97. Biểu diễn âm nhạc phi phương Tây					
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	98. Con người và Môi trường					
1. Thanh toán điện tử	3	2,2	99. Chính trị và Nghiên cứu Quốc tế					
2. Thiết kế và triển khai website	3	2,2	100. Nhạc pop					
3. Thương mại di động	3	2,2	<b>3. Môn học chuyên ngành</b>		<b>12,51</b>			
<i>C. Mô đun 3: Kinh doanh quốc tế</i>	22	16,18	1. Kế toán					
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47	2. Nghiên cứu tính toán					

<b>ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b> (Ngành: Kinh doanh thương mại)			<b>ĐẠI HỌC MELBOURNE</b> (Ngành: Thương mại)			<b>ĐẠI HỌC CANTERBURY</b> (Ngành: Thương mại)		
2. Kinh doanh quốc tế	3	2,2	3. Kinh tế học					
3. Thanh toán quốc tế	3	2,2	4. Tài chính					
<b>Thực Tập Cuối Khóa</b>	<b>5</b>	<b>3,68</b>	5. Quản trị					
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>6,6</b>	6. Marketing					
1. Marketing quốc tế	3	2,2						
2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	2,2						
3. Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	3	2,2						

### 13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

#### 13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.



### 13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

#### Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**TS. Trần Hoàng Long**

